

Hiện đại hóa hải quan trong quá trình hội nhập quốc tế

Đoàn Thị Thu Hà*, Nguyễn Thanh Hằng**

Ngày nhận: 21/7/2015

Ngày nhận bản sửa: 21/9/2015

Ngày duyệt đăng: 25/9/2015

Tóm tắt:

Cải cách, hiện đại hóa hải quan hướng tới mục tiêu đơn giản, minh bạch, thuận tiện và thống nhất nhằm tạo thuận lợi tối đa trong hoạt động của doanh nghiệp và người dân góp phần thúc đẩy hội nhập khu vực và quốc tế cũng như tăng cường sức cạnh tranh quốc gia. Bên cạnh những thành công trong quá trình thực hiện hiện đại hóa hải quan vẫn còn tồn tại một số khó khăn nhất định trong việc triển khai cơ chế một cửa quốc gia, phân luồng kiểm tra hải quan, công tác kiểm soát hải quan và sự phối hợp của các Bộ, Ngành liên quan. Bài viết này dựa trên quan sát tình hình thực tế và các tài liệu từ những báo cáo của Tổng cục Hải quan để phân tích thực trạng hiện đại hóa hải quan và đề xuất các giải pháp đồng thời cũng nêu một số kiến nghị lên Chính phủ nhằm khắc phục những vấn đề này.

Từ khóa: hiện đại hóa hải quan, hội nhập quốc tế, VNACCS/ VCIS, một cửa quốc gia

Modernization of customs in the international integration process

Abstract

The reform and modernization of customs aim at simplicity, transparency, convenience and consistency in order to maximize the firms' profit, which contributes to promotion of regional and international integration and to enhancement of the national competitiveness. Despite some achievements of the implementation process of customs modernization, there are still a number of difficulties in implementing nationwide one-stop service, streamlining customs inspection, customs control activities and the coordination among the involved ministries. Based on observing the actual situation and examining the related documents of Vietnam General Department of Customs, this paper analyzes the current situation of customs modernization in Vietnam's international integration process. The paper also provides recommendations to the Government in order to improve the situation.

Keywords: customs modernization, international intergration, VNACCS/ VCIS, national single window

1. Giới thiệu

Ngày 7 tháng 11 năm 2006, Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đồng nghĩa Việt Nam phải tuân thủ các gói hiệp định của WTO, trong đó có Hiệp định liên quan tới lĩnh vực hải quan. Với việc ký kết các hiệp định song phương và đa phương về thương mại quốc tế liên quan đến lĩnh vực Hải quan như: Công ước KYOTO, Hiệp định trị

giá GATT/WTO, Công ước Quốc tế về Hệ thống điều hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, gồm: Chuyển đổi phương pháp quản lý nghiệp vụ, cải cách quy trình một cửa, tăng cường sự kiểm soát của cơ quan Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, đã phần nào giải quyết được thách thức về sự gia tăng nhanh chóng của công việc với năng lực của cơ quan hải quan. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thì nhiệm vụ của ngành

hải quan cũng ngày càng phức tạp hơn, nhất là các vấn đề liên quan đến hàng rào kỹ thuật, chống bán phá giá, độc quyền, buôn lậu, gian lận thương mại và những loại hình tội phạm mới.

Bên cạnh đó, sự phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ; nhất là công nghệ thông tin và truyền thông đã làm thay đổi phương thức hoạt động của cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Ngoài ra, khối lượng công việc của ngành hải quan tăng nhanh qua từng năm. Theo Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan (2014), năm 2007, toàn ngành hải quan làm thủ tục xuất nhập khẩu cho khoảng 2,5 triệu lô hàng, với kim ngạch xuất nhập khẩu khoảng 111 tỷ USD trong khi con số này tăng lên gần 300 tỷ USD trong năm 2014, tăng 189 tỷ USD so với năm 2007, tương đương mức tăng hơn 170% trong 7 năm. Tỷ lệ kiểm tra thông quan tại cửa khẩu vẫn thuộc loại cao so với các quốc gia khác. Do đó, hàng hóa bị ứ đọng tại các cửa khẩu, gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu làm tăng chi phí và thời gian, thủ tục rườm rà làm giảm hiệu quả và tính cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trước sự phát triển đó, và từ khi Việt Nam gia nhập WTO, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi ngành hải quan phải tiếp tục cải cách, hiện đại hóa, đổi mới hơn nữa, nâng cao năng lực cán bộ, công chức và cải thiện cơ sở pháp lý, cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin. Một trong những nội dung của hiện đại hóa hải quan là đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước của mình để vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp vừa bảo đảm hiệu quả và hiệu lực của quản lý nhà nước về hải quan cũng như theo kịp tiến độ hiện đại hóa của hải quan các nước trên thế giới.

Cải cách, hiện đại hóa hải quan là công việc đổi mới toàn bộ hoạt động của hải quan theo hướng làm cho hệ thống, thủ tục hải quan trở nên phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới, làm cho hoạt động toàn ngành Hải quan tuân thủ chuẩn mực, thông lệ quốc tế với ý nghĩa là hải quan hiện đại và toàn bộ hoạt động hải quan từng bước phải được tự động hóa, tiến tới tự động hóa hoàn toàn theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế (Nguyễn Ngọc Túc, 2007). Điểm quan trọng của hiện đại hóa hải quan là phải thay đổi hẳn phương thức quản lý từ quản lý hải quan truyền thống (dựa vào kiểm tra, kiểm soát) sang phương thức quản lý hải quan hiện đại (dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến và dựa vào kỹ thuật quản lý

mới như quản lý rủi ro, quản lý thông tin tình báo, kiểm tra sau thông quan,...).

Nội dung của chương trình hiện đại hóa hải quan liên quan tới các vấn đề chủ yếu gồm sửa đổi pháp luật hải quan, đơn giản hóa thủ tục thông quan, điều chỉnh biểu thuế quan, nâng cao hiệu quả công tác chống buôn lậu, cải tổ cơ cấu tổ chức hải quan, đổi mới chính sách nguồn nhân lực cho ngành hải quan, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý. Trong khuôn khổ của bài báo, tác giả tập trung vào phân tích bốn nội dung cơ bản của hiện đại hóa Hải quan Việt Nam, đó là ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hải quan, ứng dụng phương thức quản lý hải quan hiện đại, hiện đại hóa trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả công tác chống buôn lậu và công tác phối hợp thực hiện nâng cao năng lực quản lý chuyên ngành với các bộ, ngành liên quan.

2. Thực trạng hiện đại hóa hải quan trong quá trình hội nhập quốc tế

2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hải quan

Kế hoạch cải cách hiện đại hóa hải quan 2011-2015 đã xác định triển khai thủ tục hải quan điện tử là nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này. Trong những năm qua, ngành hải quan đã có sự chuẩn bị tích cực cho việc thực hiện thủ tục thông quan điện tử, thanh toán thuế điện tử, E-manifest, cơ chế một cửa quốc gia hướng tới một cửa ASEAN.

2.1.1. Thủ tục hải quan điện tử VNACCS/VCIS

Theo Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan (2014), kể từ khi đưa vào vận hành chính thức từ 1-4-2014 đến nay, Hệ thống VNACCS/VCIS đã vận hành ổn định, mang lại rất nhiều thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp và cơ quan hải quan. Hệ thống VNACCS/VCIS đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thông qua giảm thời gian thông quan, giải phóng hàng; giảm chi phí; thay đổi phương thức và phương pháp quản lý hải quan, góp phần hoàn thành các mục tiêu cải cách, hiện đại hóa hải quan, thúc đẩy hội nhập quốc tế và tăng sức cạnh tranh quốc gia. Cập nhật từ khi triển khai chính thức đến hết tháng 1 năm 2015, VNACCS/VCIS đã thu hút 50.440 doanh nghiệp tham gia; tổng số tờ khai là 5,5 triệu tờ; tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 224 tỷ USD.

Theo kết quả đo thời gian giải phóng hàng do Tổng cục Hải quan thực hiện (vào cuối năm 2014) tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 1 (Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh) - đơn

vị có khối lượng công việc lớn nhất toàn ngành, thời gian đăng ký tờ khai hải quan chỉ còn khoảng 3 giây; thời gian trung bình từ khi doanh nghiệp đăng ký tờ khai đến khi quyết định thông quan/giải phóng hàng đối với hàng nhập khẩu chỉ còn là 34 giờ 32 phút 14 giây. So với kết quả năm 2013, khoảng thời gian này đã giảm được 7,6 giờ, tương đương 18% so với cùng kỳ năm 2013 (42 giờ 7 phút 40 giây). Đối với hàng hóa xuất khẩu, thời gian trung bình từ khi doanh nghiệp đăng ký tờ khai đến khi quyết định thông quan là 6 giờ 58 phút 55 giây, giảm 9,6 giờ, tương đương 58% so với năm 2013 (16 giờ 36 phút 10 giây). Đặc biệt, với lô hàng được phân luồng Xanh, không phải nộp thuế thì thời gian thông quan/giải phóng hàng chỉ vỏn vẹn có 4 giây (Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Ban Quản lý rủi ro, 2014).

Kiểm soát thực hiện Hệ thống VNACCS/VCIS nhằm phát hiện đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vận chuyển trái phép các chất ma túy và tiền chất, ngành Hải quan đã ngăn chặn nhiều vụ buôn lậu lớn. Tổng cục Hải quan chỉ rõ, Kế hoạch 170 đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật, không gây phiền hà, cản trở hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp; kịp thời phát hiện các phương thức thủ đoạn hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại mới, phát hiện những kẽ hở trong quy trình thủ tục hải quan, từ đó có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh. Để thực hiện kế hoạch trên, lực lượng kiểm soát hải quan thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt hoạt động xuất nhập khẩu đối với những doanh nghiệp trọng điểm, doanh nghiệp có độ rủi ro cao, doanh nghiệp mới tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, đặc biệt xử lý nghiêm các hành vi khai báo sai mã hàng, khai trùng nhiều tờ khai, liên tục hủy tờ khai, cố tình khai báo sai nhằm miễn kiểm hàng hóa để vận chuyển, buôn lậu hàng cấm, sai số lượng, sai chủng loại, trốn thuế...

2.1.2. Thực hiện thanh toán thuế điện tử

Từ ngày 01 tháng 11 năm 2014, Hải quan chính thức thực hiện Cổng thanh toán điện tử phiên bản

2014 tại 34/34 cục hải quan tỉnh, thành phố, tiếp nhận thông tin thu từ 17 ngân hàng thương mại có ký thỏa thuận phối hợp thu với tần suất tức thời (online) và từ kho bạc với tần suất 15 phút/lần; tự động hạch toán kế toán, thanh khoản nợ, thông quan hàng hóa cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu với số thu chiếm 59% số thu của ngành hải quan (Nguyễn Hoàng, 2014).

2.1.3. Tiếp nhận điện tử bản lược khai hàng hóa và các chứng từ có liên quan cho phương tiện vận tải biển xuất cảnh, nhập cảnh (E-manifest)

Triển khai thí điểm tại 9/9 cục hải quan có cảng biển, 42/597 hàng tàu (chiếm 7,03%), 410/500 đại lý hãng tàu (chiếm 82%), với sự tham gia của 1536 công ty giao nhận, tiếp nhận 31.215 hồ sơ điện tử (Nguyễn Quốc, 2015).

Theo Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan (2014), đến nay, toàn ngành đã chính thức thực hiện Cổng thanh toán điện tử phiên bản 2014 tại 34/34 Cục Hải quan địa phương, tiếp nhận thông tin thu từ 17 ngân hàng thương mại có ký thỏa thuận phối hợp thu với tần suất gần như tức thời qua phương thức trực tuyến (online) và từ kho bạc (tới cơ quan hải quan) với tần suất 15 phút/lần; tự động hạch toán kế toán, thanh khoản nợ, thông quan hàng hóa cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu với số thu chiếm 59% tổng thu ngân sách toàn ngành (Tổng cục Hải quan, 2014).

2.1.4. Triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN

Về Cơ chế một cửa quốc gia (NSW), đã kết nối chính thức Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Công thương với các thủ tục: Thủ tục đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, thủ tục cấp chứng nhận xuất xứ ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ ASEAN; thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu mô-tô phân khối lớn và thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu đối với các chất làm suy giảm tầng ô-zôn. Chính phủ đã chỉ đạo rà soát, đơn giản hóa quy trình thủ tục và chính thức triển khai Cơ chế một cửa quốc

Bảng 1: Thời gian thông quan trung bình đối với hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 1, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh năm 2013 và 2014

Năm/ Tiêu chí	Thời gian thông quan trung bình đối với hàng nhập khẩu	Thời gian thông quan trung bình đối với hàng hóa xuất khẩu
Năm 2013	34 giờ 32 phút 14 giây	16 giờ 36 phút 10 giây
Năm 2014	42 giờ 7 phút 40 giây	6 giờ 58 phút 55 giây

Nguồn: Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Ban Quản lý rủi ro (2014)

gia (NSW) và những giải pháp quan trọng để giảm thời gian thông quan hàng hóa. Trong đó, việc thực hiện NSW sẽ góp phần giảm 10% đến 20% chi phí và 30% thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp. Năm 2015, sẽ phấn đấu giảm thời gian thông quan hàng hóa từ mức bình quân 21 ngày (thời điểm giữa năm 2014) xuống còn 14 ngày (Phượng Diễm, 2015). Trong đó, Chính phủ sẽ chỉ đạo quyết liệt để tiếp tục giảm mạnh thời gian thông quan hàng hóa ngang bằng các nước ASEAN-6 và đảm bảo Hải quan Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn hải quan hiện đại.

Đồng thời, ngành hải quan còn chuẩn bị cơ sở pháp lý, đầu tư trang thiết bị, cấp dự toán kinh phí cho việc kết nối mở rộng của 3 bộ trên và 3 bộ mới trong năm 2015 (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên Môi trường). Số lượng hồ sơ thực hiện qua cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn đầu kết nối chính thức còn hạn chế; quá trình triển khai trong thời gian tới sẽ phát huy hiệu quả tốt hơn. Việc triển khai cơ chế một cửa dự kiến giảm từ 0,5-1,5 ngày cho việc luân chuyển hồ sơ giấy từ cơ quan quản lý chuyên ngành đến cơ quan Hải quan để hoàn tất thủ tục thông quan hàng.

2.2. Ứng dụng phương thức quản lý hải quan hiện đại

Việc áp dụng quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan (tiếp cận và dần hoàn thiện phương pháp quản lý rủi ro tiên tiến), tăng cường kiểm tra sau thông quan (đóng vai trò cách thức kiểm tra hải quan cơ bản, trọng tâm trong thời gian tới), đẩy mạnh kiểm soát hải quan (tạo sức mạnh tổng hợp của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan trong công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; thiết lập Trung tâm chỉ huy trực tuyến cho công tác kiểm tra, kiểm soát hải quan) đều hướng đến việc tạo thuận lợi trong thông quan nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ, phân loại chính xác để quản lý tuân thủ doanh nghiệp.

Công khai, minh bạch hoạt động hải quan đã được chú trọng. Bên cạnh việc đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, Tổng cục Hải quan đã triển khai và tiếp tục hoàn thiện hệ thống chỉ số đánh giá hoạt động hải quan từ năm 2011, trong đó có chỉ số phục vụ cho kiểm soát, chỉ đạo điều hành nội bộ, có chỉ số được công bố phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như chỉ số thời gian trung bình giải phóng

hàng, chỉ số về sự hài lòng của khách hàng đối với hoạt động hải quan. Hoạt động đối thoại giữa Hải quan- doanh nghiệp được tổ chức thường niên hàng năm.

2.3. Hiện đại hóa trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả công tác chống buôn lậu

Ngành tập trung nâng cao tính năng, tác dụng của trang thiết bị kỹ thuật trong giám sát, kiểm tra hải quan; tăng cường trang thiết bị phục vụ cho việc kiểm tra hàng hoá xuất nhập khẩu, hành lý của khách xuất nhập cảnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa bàn; trang bị kỹ thuật đầy đủ cho cán bộ kiểm hoá; trang bị đồng bộ máy soi hiện đại, quy trình nghiệp vụ hoàn chỉnh cho các điểm thông quan; hiện đại hóa các trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm soát chống buôn lậu, buôn bán hàng cấm và các loại tội phạm mới. Ngành hải quan đã trang bị 11 hệ thống máy soi container không thu phí tại các địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung, địa bàn trọng điểm có lưu lượng hàng hóa lớn thuộc 6 cục hải quan, đã soi chiếu 53.497 cont, chiếm 33,84% số lượng cont luồng đỏ, tỷ lệ phát hiện vi phạm là 0,44% tổng số cont soi chiếu (237/53497); Dự kiến năm 2015 sẽ trang bị thêm 5 máy soi container; Đã đưa vào sử dụng 97 máy soi hành lý, hàng hóa; Đã đưa vào sử dụng 19 hệ thống camera tại 09 cục hải quan tỉnh, thành phố; Các hệ thống, thiết bị an toàn phóng xạ và các trang thiết bị kiểm tra, giám sát (máy soi hành lý, hàng hóa, cân ô tô) đã được trang bị (Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, 2014; Ban Quản lý rủi ro, 2014).

2.4. Công tác phối hợp thực hiện nâng cao năng lực quản lý chuyên ngành với các bộ, ngành liên quan

Nhằm rút ngắn thời gian thông quan, thời gian kiểm tra chuyên ngành, ngành hải quan đã rà soát, đánh giá, kiến nghị các bộ, ngành có liên quan thực hiện: rà soát, sửa đổi, hoàn chỉnh Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành, trong đó chỉ rõ mặt hàng phải kiểm tra trước khi thông quan; Bố trí nhân lực, máy móc kiểm tra ngay tại cửa khẩu; Xây dựng, ban hành, công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia đối với mặt hàng thuộc Danh mục kiểm tra chuyên ngành nhưng chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Rà soát, ban hành quy trình kiểm tra chuyên ngành, đảm bảo thống nhất các nội dung về hồ sơ, thủ tục, trình tự đăng ký kiểm tra chuyên ngành, mẫu giấy đăng ký kiểm tra, giấy thông báo kết quả kiểm tra, biện pháp xử lý hàng hóa không đạt yêu cầu kiểm tra;... Công bố

danh sách tên, địa chỉ các cơ quan tổ chức có chức năng thực hiện kiểm tra chuyên ngành; Áp dụng hoạt động quản lý rủi ro trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

3. Một số hạn chế cần khắc phục trong công tác hiện đại hóa hải quan

3.1. Triển khai cơ chế một cửa quốc gia

Số lượng hồ sơ thực hiện qua cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn đầu kết nối chính thức còn hạn chế, việc triển khai chưa đáp ứng yêu cầu thời gian so với kế hoạch ban đầu. Hiện nay, chỉ có Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương sẵn sàng về hệ thống công nghệ thông tin và đã kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia; các bộ, ngành khác vẫn chưa triển khai đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để thực hiện các thủ tục hành chính đã đăng ký với Ban chỉ đạo quốc gia. Nguyên nhân do: đây là nhiệm vụ mới, phức tạp, chưa có tiền lệ tại Việt Nam; việc triển khai liên quan tới nhiều bộ, ngành, liên quan tới nhiều đơn vị, nhiều cấp của từng Bộ, ngành nên việc tổ chức thực hiện rất phức tạp; Việc lập dự án và bố trí kinh phí xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin kết nối phải trải qua nhiều giai đoạn; Ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, ngành còn hạn chế.

3.2. Phân luồng kiểm tra hải quan

Tỷ lệ phân luồng vàng/đỏ còn cao (vàng chiếm 34,26%, đỏ chiếm 9,68%); Tỷ lệ phát hiện vi phạm qua các hoạt động kiểm tra hải quan chưa đạt yêu cầu (khoảng dưới 1%) (Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, 2014). Nguyên nhân chủ yếu do việc phân luồng kiểm tra bị điều chỉnh bởi các quy định pháp luật của các cơ quan quản lý chuyên ngành; việc áp dụng phương thức, quy trình và nguồn lực hải quan chưa thực sự phù hợp.

3.3. Công tác kiểm soát hải quan

Việc kết nối, tích hợp cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác kiểm soát còn gặp nhiều khó khăn. Số lượng cơ quan sẵn sàng cung cấp dữ liệu còn hạn chế; dữ liệu chia sẻ chưa đảm bảo cả về số lượng và chất lượng; hệ thống chia sẻ dữ liệu chỉ phát huy hiệu quả trong phạm vi địa lý nhất định; việc chia sẻ dữ liệu của các đơn vị cơ sở thuộc các cơ quan còn chưa tích cực.

Hoạt động kiểm tra chuyên ngành đã góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, và các doanh nghiệp kinh doanh đúng pháp luật, tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập: Hệ thống văn bản pháp

luật liên quan đến kiểm tra chuyên ngành chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, các danh mục phải kiểm tra quá rộng, tên hàng không rõ, chưa có mã số HS; Hoạt động kiểm tra chuyên ngành hiện còn thiếu và yếu, đưa ra kết quả chậm; Việc phối hợp và trao đổi thông tin giữa các đơn vị còn hạn chế; Thời gian thực hiện kéo dài ảnh hưởng đến thời gian làm thủ tục thông quan hàng hóa của cơ quan Hải quan.

4. Một số giải pháp và kiến nghị đẩy mạnh công tác hiện đại hóa hải quan trong quá trình hội nhập quốc tế

4.1. Mục tiêu

- 2015: Nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm soát Hải quan; giảm thời gian thông quan bằng mức trung bình các nước ASEAN-6; triển khai thành công cơ chế một cửa quốc gia hướng tới một cửa ASEAN;

- 2016: Giảm thời gian thông quan bằng mức trung bình các nước ASEAN-4;

- 2020: Đạt trình độ quản lý hải quan của Hàn Quốc 2010 (thủ tục hải quan được thực hiện mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện).

4.2. Các giải pháp cơ bản

4.2.1. Về cải cách thể chế, thủ tục hành chính

- Triển khai có hiệu quả Luật Hải quan năm 2014 và các văn bản hướng dẫn; Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy trình thủ tục hải quan theo quy định của Luật Hải quan 2014.

- Nghiên cứu xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu sửa đổi.

4.2.2. Về công tác hiện đại hóa

- Đối với thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan cần tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hoạt động trên Hệ thống VNACCS/VCIS, nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống công nghệ thông tin vệ tinh; triển khai Cơ chế một cửa quốc gia với các bộ, ngành liên quan để hoàn thành thực hiện các mục tiêu 5e (e-Clearance, e-Payment, E-Manifest, e-C/O, e-Permit) trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử. Rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa ở cả 3 luồng Xanh, Vàng, Đỏ; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hệ thống máy móc trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát đã được trang bị...

Về mục tiêu thời gian giải phóng hàng bằng trung bình của các nước ASEAN-6 cuối năm 2015 (nhập khẩu là 13 ngày, xuất khẩu là 14 ngày) theo cách tính của Ngân hàng Thế giới (bằng cách cộng thời gian thực hiện hoạt động cần thiết để xuất nhập

khẩu 01 lô hàng: chuẩn bị hồ sơ, các thủ tục hành chính liên quan, xếp dỡ, vận chuyển hàng đến và đi từ kho của doanh nghiệp). Cơ quan hải quan là một trong những đơn vị tham gia thực hiện thủ tục hành chính liên quan, và là cơ quan ra quyết định cuối cùng cho phép hàng xuất nhập khẩu. Ngành hải quan đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để giảm thời gian thông quan thuộc trách nhiệm của mình. Tuy nhiên, quá trình làm thủ tục xuất nhập khẩu cho hàng hóa còn chịu sự tác động lớn từ thời gian tác nghiệp của các cơ quan quản lý chuyên ngành, tổ chức vận tải, kinh doanh kho bãi, hạ tầng giao thông, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và sự phối hợp với cơ quan hải quan. Để giảm thời gian thông quan chung, không chỉ có riêng cơ quan hải quan mà các cơ quan, tổ chức trên cần phải coi đây là nhiệm vụ quan trọng, phải chủ động giảm thời gian thuộc trách nhiệm xử lý của mình và phối hợp đồng bộ với cơ quan hải quan trong quá trình làm thủ tục.

Đối với công tác kiểm tra sau thông quan sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiệp vụ quan trọng này và phân đầu bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác “hậu kiểm”, xây dựng được bộ tiêu chí quản lý rủi ro cho kiểm tra sau thông quan, phối hợp liên tục, chặt chẽ hơn nữa giữa khâu kiểm tra trong và kiểm tra sau thông quan.

Ngoài ra, công tác điều tra chống buôn lậu sẽ đẩy mạnh hơn nữa vào việc chống buôn lậu, gian lận thương mại trong việc ngăn chặn các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trong thực hiện thông quan hàng hóa qua môi trường điện tử bằng việc đẩy mạnh ứng dụng các trang thiết bị nghiệp vụ hiện đại. Hoạt động quản lý rủi ro được tiếp tục hoàn thiện về cơ sở pháp lý và quy trình, quy định; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý tuân thủ doanh nghiệp, chú trọng hơn nữa khâu thu thập, xử lý thông tin nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác áp dụng quản lý rủi ro.

- Triển khai thí điểm việc giám sát hải quan bằng seal định vị (GPS); nâng cao hiệu quả máy soi container, máy soi hành lý của hành khách xuất, nhập cảnh; camera giám sát; chó nghiệp vụ;...

- Tiếp tục triển khai Đề án “Phối hợp thực hiện nâng cao năng lực hiệu quả kiểm tra các mặt hàng quản lý chuyên ngành của các Bộ chuyên ngành tại khu vực cảng biển lớn”;

- Chủ trì thực hiện đo thời gian giải phóng hàng và công bố kết quả chung về thời gian trung bình

giải phóng hàng năm 2015, trong đó xác định rõ trách nhiệm của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan.

4.2.3. Xây dựng lực lượng Hải quan trong sạch, vững mạnh

- Đẩy nhanh việc triển khai mô tả, ứng dụng xác định vị trí việc làm phục vụ quản lý công việc theo vị trí việc làm và quản lý nhân sự, xác định biên chế và các ứng dụng đổi mới quản lý nguồn nhân lực...

- Tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm các quy định về kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi nhiệm vụ, phòng, chống các biểu hiện tiêu cực tham nhũng của cán bộ, công chức hải quan.

- Tăng cường công tác thanh tra, tự kiểm tra nội bộ để phát hiện, cảnh báo, chấn chỉnh kịp thời sai phạm của cán bộ, công chức hải quan nhất là thanh tra, kiểm tra đột xuất để nâng cao hình ảnh của lực lượng hải quan và tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, phòng chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng.

4.3. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ

4.3.1. Chỉ đạo các Bộ, ngành chủ động thực hiện

- Rà soát, đánh giá các quy định pháp luật về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý chuyên ngành phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế; sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành theo hướng giảm đến mức tối đa sản phẩm phải kiểm tra trước khi thông quan; cụ thể hóa tên hàng kèm mã số HS theo cấp độ chi tiết nhất của danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam; quy định rõ phương thức quản lý chuyên ngành tương ứng (giấy phép, hợp quy/hợp chuẩn, kiểm tra, giám định chuyên ngành...), công khai hóa tiêu chuẩn áp dụng, đơn vị thực hiện kiểm tra, thời gian và chi phí đối với từng mặt hàng cụ thể.

- Hướng dẫn việc công nhận chứng nhận kiểm tra của những quốc gia, khu vực có tiêu chuẩn kỹ thuật cao và của nhà sản xuất với các nhãn hiệu nổi tiếng đã được quốc tế thừa nhận.

- Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành thống nhất, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu.

- Kiểm soát, đánh giá và công bố công khai thời gian thực hiện kiểm tra chuyên ngành.

4.3.2. Đẩy mạnh triển khai ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin

Chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan cần đẩy mạnh triển khai ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin, chuẩn bị mọi mặt để kiểm tra hồ sơ điện tử, không yêu cầu doanh nghiệp xuất trình bản giấy về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gắn với mở rộng về phạm vi và số lượng các thủ tục hành chính tham gia vào Cơ chế một cửa quốc gia, góp phần vào hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN vào cuối năm 2015.

4.3.3. Chỉ đạo các Bộ, ngành tích cực thực hiện việc chia sẻ, kết nối cơ sở dữ liệu

- Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng) chia sẻ dữ liệu về hành khách làm thủ tục xuất nhập cảnh qua đường bộ, đường biển và quản lý phương tiện xuất nhập cảnh với cơ quan hải quan để có cơ sở đối chiếu, phân tích hồ sơ quản lý, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm;

- Bộ Công an: Cần chia sẻ dữ liệu hành khách xuất cảnh để cơ quan hải quan có dữ liệu phân tích hoạt động của các đối tượng trọng điểm. Đồng thời

kết nối dữ liệu của Văn phòng cảnh sát quốc tế Interpol Việt Nam để chia sẻ dữ liệu liên quan hoạt động của các đối tượng xuất nhập cảnh cũng như hàng hóa xuất nhập khẩu;

- Bộ Giao thông vận tải: Cần đôn đốc, kiểm tra các đơn vị cơ sở phải truyền dữ liệu đầy đủ, đảm bảo chất lượng, liên tục. Hoàn thiện hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu định vị ô tô, tàu biển, vận đơn hàng không.

4.3.4. Thành lập một số đơn vị chuyên môn

Cho phép thành lập: Cục Kiểm định hải quan thực hiện công tác phân tích, phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu và thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu trên cơ sở ủy quyền của các Bộ, Ngành có liên quan; Cục Quản lý rủi ro (trên cơ sở nâng cấp Ban Quản lý rủi ro hiện tại) để theo dõi, đánh giá tuân thủ pháp luật, phát hiện các nguy cơ vi phạm, điều tiết việc kiểm tra, giám sát hải quan đảm bảo tự động hóa hải quan. □

Tài liệu tham khảo

- Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Ban Quản lý rủi ro (2014), *Báo cáo cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong thời gian tới*, Hà Nội.
- Nguyễn Hoàng (2014), 'Hiện đại hóa hải quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu', *Báo điện tử Chính phủ*, truy cập lần cuối ngày 9 tháng 7 năm 2014, từ <<http://baodientu.chinhphu.vn/Tin-noi-bat/Hien-dai-hoa-hai-quan-tao-thuan-loi-cho-DN-xuat-nhap-khau/203277.vgp>>.
- Nguyễn Ngọc Túc (2007), *Tiếp tục cải cách, hiện đại hóa Hải quan Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*, Hà Nội.
- Nguyễn Quốc (2015), 'Nhiều tiến bộ trong cải cách thủ tục hải quan', *Báo Hải quan*, truy cập lần cuối ngày 7 tháng năm 2015, từ <<http://www.baohaiquan.vn/Pages/Nhieu-tien-bo-trong-cai-cach-thu-tuc-hai-quan.aspx>>.
- Phượng Diễm (2015), 'Doanh nghiệp hưởng lợi khi triển khai Cơ chế một cửa quốc gia', *Chuyên trang Hải quan Việt Nam*, truy cập lần cuối ngày 7 tháng năm 2015, từ <<http://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=22509&Category=Tin%20n%E1%BB%95i%20b%E1%BA%ADt>>.
- Tổng cục Hải quan (2014), *Đánh giá tình hình triển khai thủ tục hải quan điện tử và dự án VNACCS/VCIS*, Hà Nội.

Thông tin tác giả:

* **Đoàn Thị Thu Hà**, Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học quản lý – Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Chính sách

- Một số Tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*; *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*.

- Địa chỉ Email: thuhadoan5yk@yahoo.com.vn

****Nguyễn Thanh Hằng**, Thạc sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học quản lý – Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Chính sách

- Địa chỉ Email: hangmoon2910@gmail.com